

VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TRUYỆN NGẮN CÁC NHÀ VĂN NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VIẾT VỀ TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH

Trần Thị Hồng Nhung

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Với sự chủ động trong ý thức sáng tạo và quan niệm nghệ thuật thống nhất, viết về tình yêu, hôn nhân, gia đình, các cây bút truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại đã khẳng định mạnh mẽ quan điểm nam nữ bình quyền. Thông qua thể giới nghệ thuật được sáng tạo, những phương diện phong phú của vấn đề này đã được lật giở, xem xét bằng tiếng nói mang nhân vị giới đặc sắc. Bài viết tập trung làm rõ những biểu hiện của vấn đề bình đẳng giới trong truyện ngắn các nhà văn nữ Việt Nam đương đại như là một trong những vấn đề xã hội – thẩm mỹ độc đáo.

Từ khóa: giới nữ, bình đẳng giới, văn học Việt Nam đương đại, truyện ngắn nữ, tình yêu, hôn nhân, gia đình.

1. Mở đầu

Giới (gender) là khái niệm được sử dụng trong tương quan khu biệt với khái niệm giới tính, hướng tới xác định các điểm khác biệt giữa nam và nữ về mặt xã hội. Trong lịch sử phát triển của nhân loại đến thời hiện đại, câu chuyện bình đẳng giới, mà thực chất là giành lại quyền bình đẳng cho nữ giới luôn được đặt ra ở các cấp độ khác nhau, phát triển mạnh mẽ thành phong trào từ đầu thế kỉ XIX đến nay. Trong hầu hết các lĩnh vực của xã hội, nữ quyền luận hay chủ nghĩa nữ quyền đều được bàn đến cả ở phương diện lí luận và thực tiễn, mà văn học là một trong những địa hạt có những tiếng nói sâu sắc và quyết liệt.

Trong công trình *Nữ quyền luận ở Pháp và tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại*, tác giả Trần Huyền Sâm đã phác họa lịch sử nghiên cứu nữ quyền ở Pháp, bao gồm làn sóng nữ quyền thứ nhất (khoảng từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XX), tập trung đòi quyền bình đẳng cho nữ giới về chính trị, xã hội và hôn nhân gia đình, trong đó về gia đình, “họ đòi quyền được tự do quyết định trong hôn nhân và quyền được li dị theo mong muốn” [1; 20]. Làn sóng nữ quyền thứ hai khoảng từ giữa thế kỉ XX và đặc biệt sôi nổi vào thập niên 60, 70 với các tên tuổi tiêu biểu như Sagan, Halimi, Fouque và đặc biệt là Simone de Beauvoir, trong đó vấn đề được quan tâm hàng đầu là các vấn đề cá nhân người phụ nữ: quyền thân thể, vấn đề tình dục, sinh sản, nạo thai. Theo đánh giá của Trần Huyền Sâm thì: “Làn sóng giải phóng nữ quyền thứ hai đã đánh dấu một sự kiện lớn trong lịch sử giải phóng nữ giới [...]. Kể từ đây, địa vị phụ nữ, nhân vị đàn bà đã được chính thức thừa nhận bằng văn bản pháp lí trên một số lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội” [1; 34]. Đến làn sóng nữ quyền thứ ba (khoảng từ thập niên 1980 đến nay), phát triển các thành tựu của làn sóng thứ hai và mở rộng tranh đấu trong các vấn đề chống phân biệt chủng tộc, phân biệt đồng giới. Đặc biệt, theo Trần Huyền Sâm: “giai đoạn này hình thành khuynh

hướng phê bình nữ quyền – một hiện tượng hấp thu rộng rãi lý thuyết hậu hiện đại. Mục đích của phê bình nữ quyền là giải cấu trúc những quan điểm cực đoan của các nhà triết học phân tâm, đặc biệt là chủ nghĩa tôn sùng dương vật” [1; 38].

Như chúng tôi đã nói, trong các lý thuyết gia của nữ quyền luận, Simone de Beauvoir đóng vai trò quan trọng, là người đặt nền móng cho sự phát triển của phê bình nữ quyền trong địa hạt văn chương. Bà đã đối thoại với các triết gia Sigmund Freud và Nietzsche để khẳng định, những bất bình đẳng về giới do toàn bộ nền văn minh tạo ra, hay nói cách khác: “những thuộc tính mà từ trước đến nay người ta thường quan niệm về phụ nữ không phải là cái vốn có thuộc bản chất của người phụ nữ, mà do người đàn ông áp đặt cho phụ nữ thông qua văn hóa, giáo dục, và ngay cả người phụ nữ cũng tin một cách sai lầm rằng mình vốn yếu kém so với đàn ông” [2; 17].

Simone de Beauvoir khẳng định: “Si tình là thuộc tính của con người. Ham mê khoái lạc hay thất tình, cũng là thuộc tính chung của cả hai giới đàn ông và đàn bà. Sự phụ thuộc của đàn bà đối với đàn ông trong tình yêu/hôn nhân, thậm chí ham muốn thân xác là do hệ lụy về kinh tế và địa vị xã hội. Một người phụ nữ có thể “bứt ra” sự ràng buộc đó, nếu có một địa vị xã hội đồng đẳng với nam giới” [3; 59]. Về mặt văn học, Simone de Beauvoir đã chứng minh, người phụ nữ hoàn toàn có thể tự do cầm bút để thực hiện những đam mê sáng tạo của mình.

Tiếp theo những đóng góp của Simone de Beauvoir, các nhà phê bình nữ quyền hậu cấu trúc mà hạt nhân ở Pháp đã thiết lập một hệ thống mỹ học tương đối hoàn chỉnh, góp phần nhận diện phẩm tính nữ trong sáng tạo nghệ thuật. Mặc dù các nhà phê bình nổi tiếng như Antoinette Fouque, Julia Kristeva, Hélène Cixous, Luce Irigaray,... có những cách tiếp cận khác nhau nhưng đều gặp nhau ở những nguyên tắc mỹ học tương đối thống nhất: 1) Về mặt đặc tính giới trong văn học, tất cả những gì gọi là tính nữ đều không phải là một sản phẩm sinh học cố định mà là sản phẩm tổng hòa, vừa mang tính tự nhiên vừa chịu sự tác động của môi trường văn hóa xã hội; 2) Về mặt diễn ngôn văn học, các nhà văn nữ luôn chủ trương dỡ bỏ hệ diễn ngôn/văn hóa nam quyền – một nhân tố trung tâm thống ngự trong văn bản ra khỏi lĩnh vực sáng tạo của nữ giới; 3) Về tiêu chí thẩm mỹ của văn học nữ, các nhà phê bình nữ quyền đã xác lập một khung mỹ học riêng nhằm vận dụng nghiên cứu, thẩm định các hiện tượng văn học nữ.

Trên cơ sở những quan niệm về tính nữ và lối viết nữ trong văn học nữ của các nhà phê bình nữ quyền, chúng tôi đồng thuận với nhận định của tác giả Trần Huyền Sâm trong việc khái quát những đặc trưng cơ bản. Theo đó, về đề tài các nhà văn nữ thường khai thác những vấn đề gắn với cuộc sống đời thường: “Thế giới mà họ miêu tả chủ yếu xoay quanh những vấn đề thường nhật như gia đình, hôn nhân và các mối quan hệ xung quanh. Trong lúc đó, nam giới thường hướng ra thế giới khách quan như chủ đề chiến tranh và lịch sử” [1; 139]. Về mặt nhân vật, các nhà văn nữ thường “lấy nhân vật nữ làm điểm tựa, toàn bộ thế giới nghệ thuật của văn bản đều xoay quanh trục chính này. Nhân vật nữ là trung tâm phân tích của văn bản. Đó là khởi nguyên của phát ngôn và là nơi diễn trình mọi vấn đề đặt ra của tác giả” [1; 140]. Về phương diện trần thuật của văn xuôi nữ, “phần lớn đó là dạng trần thuật chủ quan gắn với tiêu cự hóa nội tại. Người kể chuyện thường là sự phân thân của tác giả và trùng khít với nhân vật trung tâm của văn bản truyện kể” [1; 140]. Như vậy, rõ ràng, đặc trưng tính nữ được thể hiện không chỉ trong tư duy nghệ thuật mà cả trong hình thức biểu đạt. Đây là cơ sở để chúng tôi tiếp tục phân tích trong phần nội dung của bài viết.

Bên cạnh nữ quyền luận, trên thế giới đã xuất hiện những lý thuyết trực tiếp hoặc gián tiếp bàn đến vấn đề tình yêu – hôn nhân – gia đình trong địa hạt văn chương. Tiêu biểu có thể kể đến Phân tâm học và Phê bình sinh thái. Phân tâm học là lý thuyết có nguồn gốc từ y học, do S.Freud, một bác sĩ người Áo gốc Do Thái sáng lập. Học thuyết này không chỉ được áp dụng trong lĩnh vực y học mà còn được vận dụng trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong đó có lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Với sự đóng góp của những trụ cột sau Freud như G.Jung,

R.Assagioli,... đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng về thế giới phức tạp của tâm hồn con người, lí giải những vấn đề căn cốt của đời sống hôn nhân, gia đình như tình yêu và tính dục. Theo đó, chỉ có tình yêu với quyền năng tuyệt đối của nó là cái hạnh phúc lớn lao nhất mà con người có thể đạt đến; chỉ nhờ tình yêu con người mới biết thật ra mình còn hơn là mình, mình còn là một với toàn thể, chính vì vậy là khát vọng vô tận mà con người luôn hướng tới trong cuộc truy tìm bản thể bất tận trong thế giới. Và tình yêu chính là nền tảng của hôn nhân, gia đình bền vững, là sự khẳng định giá trị tuyệt đối của con người. Tất nhiên, sự bao quát tư tưởng của phân tâm học là rất rộng lớn và phức tạp, nhưng những vấn đề cốt lõi với việc mở ra thế giới tinh thần đầy bí ẩn, những trạng huống thăng hoa của tính dục, thế giới biểu tượng mang tính cổ mẫu... là cơ sở quan trọng khi bàn đến vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình. Bên cạnh phân tâm học, phê bình sinh thái cũng là một lí thuyết cũng đặt sự quan tâm đến vấn đề tình yêu – hôn nhân – gia đình. Theo quan điểm của các nhà phê bình sinh thái, con người không thể tách rời sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn (tinh thần) đồng thời khẳng định vai trò nền tảng của thiên tính nữ trong việc bảo đảm cân bằng sinh thái. Đó là lí do các nhà phê bình sinh thái luôn đặc biệt quan tâm đến các trạng huống của nữ giới trong câu chuyện tình yêu – hôn nhân – gia đình.

Ở trong nước, có một số bài viết về nữ quyền luận như: *Thiên tính nữ và góc nhìn giới tính trong văn chương Việt Nam đương đại* của Nguyễn Thị Năm Hoàng, in trong Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam [3; 50-55]; *Văn xuôi các nhà văn nữ thế hệ sau 1975 nhìn từ diễn ngôn giới* của Thái Phan Vàng Anh, Tham luận Hội thảo khoa học quốc gia *Thế hệ nhà văn sau 1975* do Trường Đại học Văn hóa Hà Nội tổ chức (4/2016) [4]; *Tinh thần nữ quyền trong truyện ngắn của Trần Thùy Mai* của Lê Thị Thanh Xuân in trong Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế [5].

Trong bối cảnh lịch sử, văn hóa mới, truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại có những đột phá trong khám phá và biểu hiện vấn đề bình đẳng giới. Câu chuyện bình đẳng giới được truyền tải thông qua thế giới sáng tạo nghệ thuật độc đáo, ở các phương diện và cấp độ phức tạp. Bài viết tập trung làm rõ những biểu hiện của vấn đề bình đẳng giới trong truyện ngắn các nhà văn nữ Việt Nam đương đại như là một trong những vấn đề xã hội – thẩm mỹ độc đáo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhìn chung về vấn đề bình đẳng giới trong truyện ngắn các nhà văn nữ Việt Nam đương đại viết về tình yêu, hôn nhân, gia đình

Trong bối cảnh tư tưởng Nho giáo thống trị suốt thời kì phong kiến, ở Việt Nam, vai trò của người đàn ông được các thiết chế xã hội ủng hộ tuyệt đối, trở thành tâm lí phổ biến, phủ trùm lên các diễn ngôn văn học. Điều này được thể hiện rõ ràng nhất trong vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình. Người phụ nữ hoàn toàn bị cương tỏa, vùi dập và tước đoạt tiếng nói trong vấn đề hạnh phúc lứa đôi. Những vượt thoát ở trong văn học viết và văn học dân gian thời kì phong kiến chỉ là những tiếng nói cảm thương lẻ tẻ, ít ỏi và đứt đoạn. Bước sang đầu thế kỉ XX, trong buổi suy tàn của tư tưởng phong kiến, cùng với khát vọng giải phóng con người khỏi ràng buộc lễ giáo thủ cựu, người phụ nữ đã được quan tâm, cổ súy cho những khát vọng bình quyền trong tình yêu, hôn nhân, gia đình. Tuy nhiên, những manh nha buổi đầu ấy đã nhanh chóng chuyển hướng cùng bước ngoặt diễn ngôn của văn học trong thời kì cả dân tộc tiến hành các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình hòa chung vào câu chuyện cộng đồng, dân tộc của thể tài sử thi trong văn học. Sau năm 1975, đặc biệt là từ Đổi mới đến nay, trong dòng vận động chuyển đổi về thể tài thể sự, đời tư ở vào bối cảnh lịch sử văn học đặc biệt như chúng tôi đã phân tích, tiếng nói đấu tranh cho bình đẳng của giới nữ trong tình yêu, hôn nhân, gia đình đã trở thành vấn đề có ý nghĩa xã hội, thẩm mỹ to lớn. Các cây bút truyện ngắn nữ đã lĩnh sứ mệnh ấy một cách chủ động, quyết liệt và đầy say mê.

Đi sâu vào vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình, vấn đề vốn dĩ chứa đựng những tiềm năng tư tưởng – thẩm mỹ to lớn, các cây bút truyện ngắn nữ đã dứt khoát thể hiện sự tự ý thức sâu sắc, nhất quán về vấn đề bình đẳng giới, đặc biệt là đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ. Nhà văn Y Ban đã từng nói: “Xã hội nào thì hoàn cảnh đấy. Và thân phận của người phụ nữ thể hiện rõ nhất hoàn cảnh xã hội mà chị ta đang sống. Trong xã hội phong kiến, trong chiến tranh, thế giới quan của người phụ nữ chỉ bó gọn trong một gia đình, một cái làng nhỏ, phải đối diện với những lễ thói, hủ tục, sự soi mói của người đời nên rất khó để người phụ nữ thay đổi cuộc sống của mình. Nhưng trong xã hội hiện đại đã khác đi nhiều. Người phụ nữ độc lập, tự chủ hơn. Họ có xu hướng sống cho bản thân mình, chiều chuộng cảm xúc của chính mình. Khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ thể hiện ở khát vọng chinh phục người đàn ông. Và chinh phục người khác giới cũng chính là để chinh phục chính mình” [4]. Quan niệm về giới nữ và vấn đề bình đẳng giới trong sáng tạo của các cây bút truyện ngắn Việt Nam đương đại có thể có những khác biệt nhất định, nhưng điểm chung là họ đều chủ động thực hiện điều đó bằng chính thể giới nghệ thuật của mình. Trên cơ sở ý thức sâu sắc trong quan niệm nghệ thuật, các tác giả truyện ngắn nữ đã soát xét hàng loạt vấn đề, mạnh mẽ đấu tranh cho quyền bình đẳng của nữ giới trong tình yêu, trong hôn nhân và gia đình. Trực diện hay gián tiếp, truyện ngắn nữ đương đại đã đi sâu khám phá, khắc họa mọi cung bậc cảm xúc của những người phụ nữ. Khi yêu, họ sẵn sàng hiến dâng tất cả cho người mình yêu, tôn thờ tình yêu của mình, đặt trên cả cuộc sống và tính mạng của mình. Nhưng chính những người phụ nữ ấy cũng mạnh mẽ, quyết liệt để bảo vệ quyền sống, quyền tự do, quyền được hạnh phúc của mình. Trong truyện ngắn *Bức thư gửi mẹ Âu Cơ*, Y Ban đã viết: “Đất nước anh hùng, ngoại xâm, thiên tai liên miên nên mẹ quan tâm đến những anh hùng thi sĩ. Mẹ đã không chú ý đến những cô gái vốn đã dịu dàng nhu mì không mấy đòi hỏi mẹ. Nhưng bây giờ thì con đòi hỏi. Mẹ ơi, mẹ hãy quan tâm đến chúng con, đến nỗi đau của cô gái, những bà mẹ” [6; 30]. Hàng loạt những vấn đề đã hằn sâu trong quan niệm văn hóa, xã hội mang tính áp chế, ràng buộc đối với người phụ nữ đã được lật giở, đặt vấn trong truyện ngắn nữ đương đại khi viết về tình yêu, hôn nhân, gia đình. Trong thể giới nghệ thuật của Y Ban, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hào, Trần Thùy Mai, Nguyễn Ngọc Tư, Võ Thị Xuân Hà,... chúng ta thấy rất rõ tư tưởng nữ quyền, tư tưởng đấu tranh cho hạnh phúc của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội hiện đại. Ở đó, thể giới phụ nữ và thể giới đàn ông đã được xem xét trên nhiều bình diện phong phú khác nhau.

2.2. Giới nữ và vấn đề bình đẳng giới trong câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại

Truyện ngắn nữ đương đại đã khám phá và biểu hiện thể giới phụ nữ rất phong phú và toàn diện. Họ có thể là những người con gái mới lớn, vừa bước chân vào ngưỡng cửa cuộc đời hay những người đàn bà từng trải; có thể là những người phụ nữ nơi đô hội phồn hoa hay những người đàn bà chân đất nơi thôn dã; có thể là những tuyệt mỹ giai nhân hay những người đàn bà khiếm khuyết hình thể; có thể là những quý bà, quý cô thành đạt, đủ đầy vật chất hay những người đang phải vật lộn mưu sinh dưới đáy của xã hội; có thể là những người phụ nữ trong lịch sử xa xôi được phủ bụi thời gian hay những công dân toàn cầu của thời đương đại;... Nhưng tất cả thấy họ đều có chung những mong ước, khát khao hạnh phúc thường hằng của người phụ nữ, họ mơ những giấc mơ về gia đình hạnh phúc với người đàn ông của cuộc đời mình và những đứa con. Họ cũng có thể trải qua những trạng huống nhân sinh phổ quát như những phút giây “ngoài vợ ngoài chồng”, những ảo tưởng và nhan sắc và tài năng, sự ngộ nhận, si tình đầy ảo vọng,... Thực ra đó đều là những vấn đề gắn liền với những người phụ nữ xưa nay. Chỉ có điều, là sản phẩm của hành trình sáng tạo táo bạo đầy tự giác, thể giới nội tâm sâu kín của họ được khám phá và phô diễn với diện mạo mới đầy mê đắm và hấp dẫn. Ngay tại chính những thể nghiệm nghệ thuật đặc sắc ấy, khi đi sâu khắc họa những tâm tư bất tận của người phụ nữ trong tình yêu, hôn nhân, gia đình, truyện ngắn nữ đã tiến những bước mạnh mẽ và gặt hái được những

thành quả to lớn trong vấn đề bình đẳng giới, đặc biệt là quyết tâm khai phóng tư tưởng bình quyền dành cho giới nữ. Nói như thế đồng thời cũng phải khẳng định, các cây bút truyện ngắn nam đương đại như Ma Văn Kháng, Nguyễn Huy Thiệp, Tạ Duy Anh, Sương Nguyệt Minh, Phạm Duy Nghĩa,... cũng đã có những đóng góp quan trọng khi khẳng định “thiên tính nữ” trong những tác phẩm thấm đẫm tinh thần nhân văn. Tuy nhiên, cái nhìn ít nhiều mang tính ngoại quan đã để lại khoảng trống ở những khía cạnh thâm kín, thậm chí khuất lấp của thân phận đàn bà trong cuộc sống đương đại. Và các cây bút truyện ngắn nữ đã khóa lấp khoảng trống mà những người đồng nghiệp nam để lại, tự tin cất lên tiếng nói từ sâu thẳm tâm hồn và trái tim của giới mình. Hai tiếng “đàn bà” vừa đẹp đẽ, dịu dàng, mê đắm, vừa đón đau, tủi cực đã trở thành mối quan hoài thường trực trong truyện ngắn nữ đương đại, khởi đi từ tên truyện cho đến mọi phương diện của sáng tạo.

Trong truyện ngắn của các cây bút nữ Việt Nam đương đại, người đọc thường xuyên nhận thấy các tác giả trực diện đối thoại về vấn đề trình tiết của người phụ nữ như là sự phản kháng đối với những giáo điều, những lễ thói cổ hủ, trói buộc thân phận tông thuộc của người phụ nữ. Tư tưởng Nho giáo đã ăn sâu vào tiềm thức văn hóa cộng đồng, sử dụng trình tiết như là áp đặt, ràng buộc phẩm hạnh của người phụ nữ. Trong truyện ngắn *Bạn gái* của Võ Thị Xuân Hà, người chồng đã tuyên bố về cái trình tiết mà người vợ đã mất để khẳng định sự áp chế tuyệt đối của tư tưởng nam quyền: “Tôi mất tiền cưới cái thân ô uế của cô về vì cô đẹp quá, tôi trưng cho thiên hạ ghen tị. Bù lại, tôi có quyền ăn nằm với bất cứ đứa con gái còn trinh trắng nào mà tôi thích. Mẹ kiếp – hần chữi – có phá nát hàng nghìn cái cũng không bù lại được một cái đã mất. Nhưng mà thôi. Có điều, cô phải đẻ cho tôi một đứa con. Đứa con của tôi với cô. Hiểu chưa?” [7; 68]. Đây cũng là sự phản ánh có tính chất tiêu biểu về những áp lực đầy cay đắng của những người phụ nữ trong xã hội đương đại, khi quan niệm cổ hủ vẫn tồn tại trong xã hội như những chiếc vòng kim cô chưa thể tháo gỡ. Các cây bút truyện ngắn nữ đương đại đặc biệt chú ý phản ánh vấn đề này, thể hiện quan niệm dứt khoát đối với sự áp chế của tư tưởng nam quyền lên thân phận của họ. Trong truyện ngắn *Người đàn bà kể chuyện*, Lí Lan đã nêu bật hành trình nhận thức, từ cam chịu đến phản kháng mãnh liệt của Tho để được sống với danh dự và phẩm giá đích thực của mình. Năm 11 tuổi, Tho bị ông Đạo hiếp dâm. Toàn bộ câu chuyện khủng khiếp ấy với người cha của Tho chỉ là vấn đề trình tiết của cô con gái: “Nỗi đau đón sợ hãi không nguôi đi, nhưng Tho đỡ dần như không còn cảm xúc hay ký ức nữa. Tho không biết nói gì, không thể nói gì được. Cha Tho đem Tho vô bệnh viện khám. Tho cũng không rõ bằng cách nào, nhưng ông kiếm được một cái giấy chứng nhận Tho bị té, rách màng trinh. Ông bảo mẹ Tho cất cái giấy đó cho Tho. Nó sẽ là bùa bảo hộ hạnh phúc của Tho sau này” [8; 5]. Nhưng rồi lá bùa ấy không linh, không giúp cô thoát ra khỏi những bi kịch đeo bám suốt cuộc đời. Tình yêu đầu đời chưa bén đã qua chỉ bởi vì thầy giáo, người yêu của Tho không thể chấp nhận lời đồn về việc Tho đã mất trinh, để rồi cô cứ dần dần trở thành gỗ đá trước cuộc đời: “Tho lại càng không màng chuyện yêu đương. Một lần bị cưỡng hiếp, một lần bị ruồng rẫy, đủ để Tho ớn đần ông suốt đời. Hôm nọ, Tho thức giấc giữa khuya, tiếng thở hỗn hển như dội ra từ ký ức làm Tho cứng đờ trên giường, rồi như một kẻ bị chìm dưới đáy nước ngoi lên theo bản năng sinh tồn, Tho vùng vẫy, nhào ra khỏi giường, chạy xuống cầu thang, mở đèn lên... Tho tắt đèn, chạy trở lên lầu, ới ông ọc vô bồn cầu. Khi điều hòa lại nhịp thở, Tho lên giường nằm, cổ họng vẫn nghẹn nghẹn, nước mắt cứ trào ra. Chuyện hai mươi mấy năm xưa, Tho tưởng không còn nhớ gì nữa, nhưng hóa ra cái tiếng thở hỗn hển dồn dập ấy vẫn còn ám Tho khiếp sợ và uất ức đến đờ đẫn như ngày còn thơ”. Khi chính thức giải thoát chính mình khỏi quan niệm ấu trĩ về cái trình tiết đầy ảo tưởng cay đắng ấy, Tho đã đứng lên đòi công lí, đòi phẩm giá đích thực của mình: “Tho mở cửa bước ra đường, đi tới phòng tiếp bạn đọc của các báo, hội phụ nữ, ủy ban bảo vệ trẻ em, phòng cố vấn pháp luật, phòng tiếp dân, phòng luật sư, bất cứ nơi nào Tho mở được cánh cửa, để kể chuyện như một nhân chứng và nạn nhân rằng gã đàn ông tên Đạo đó đã cưỡng hiếp một bé gái mười một tuổi... Bây giờ Tho không trong mong chút mót hạnh phúc với một người đàn

ông nữa. Tho chí đòi hỏi công lí cho người đàn bà” [8; 10]. Hành trình đi đến thái độ dứt khoát, vượt qua định kiến để đòi công lí cho mình, cho giới mình là hành trình dài đầy trắc trở, đắng đặc khổ đau nhưng là hành trình tất yếu Tho phải đi đã trở thành tuyên ngôn nghệ thuật, sự đòi hỏi quyết liệt cho sự bình đẳng của nữ giới. Cái nhìn sâu sắc về vấn đề trình tiết của người phụ nữ như thế có thể thấy ở truyện ngắn của hầu hết các tác giả nữ đương đại như Y Ban, Võ Thị Xuân Hà, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hào, Trần Thùy Mai,... Sự cảm thông sâu sắc với nỗi đau của người phụ nữ khi đánh mất trình tiết, đồng thời cất tiếng nói đả phá các trật tự nam quyền thông qua vấn đề này là một nhận thức mới rất đáng chú ý của truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại.

Bên cạnh thể nghiệm sáng tạo về vấn đề trình tiết, khi viết về vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình, truyện ngắn nữ đương đại đặc biệt nhạy cảm và nhiệt thành cất lên tiếng nói đòi hỏi sự sẻ chia, cùng vun đắp hạnh phúc với người phụ nữ, đồng thời lên án sự áp đặt của tư tưởng nam quyền. Beauvoir đã khẳng định: “Số phận được xã hội dành cho phụ nữ theo truyền thống là hôn nhân. Cho đến cả ngày nay nữa, phần lớn phụ nữ đều có chồng, đã từng có chồng, chuẩn bị lấy chồng hay đau khổ vì không có chồng. Người ta xác định một cô gái là độc thân hay không là sự so sánh với hôn nhân, dù nàng thất vọng, có thái độ phản đối hay thậm chí thờ ơ với thể chế ấy” [9; 10]. Khảo sát truyện ngắn của các cây bút nữ đương đại, chúng tôi nhận thấy, ở các cấp độ khác nhau, người phụ nữ vẫn cơ bản hướng tới một cuộc sống vẹn toàn với sự trông cậy vào người đàn ông của cuộc đời mình. Đó có thể là sự mong ngóng lời yêu dịu ngọt, lời cầu hôn lãng mạn hay sự chờ đợi được dâng hiến trọn vẹn cho người mình yêu. Bên cạnh đó, nét tâm lí phổ quát vẫn là sự an lạc, hạnh phúc khi được làm thiên chức người vợ, người mẹ trong gia đình. Sẵn sàng chấp nhận và vui với niềm vui được làm người nội trợ thông thái, chăm lo cho người chồng và những đứa con vẫn là những suy nghĩ của những người phụ nữ trong nhiều truyện ngắn của Bích Ngân, Y Ban, Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư, Trần Thùy Mai, Phan Thị Vàng Anh,... Nhận diện vai trò thụ động của người phụ nữ trong hôn nhân vẫn là phổ biến quát trong truyện ngắn nữ đương đại, tuy nhiên, chính trong tình yêu, trong cuộc sống hôn nhân, gia đình với những o ép từ truyền thống định đặt bao đòi hỏi, các tác giả nữ đã khắc họa đậm nét khao khát vượt thoát khỏi những ràng buộc đang từng giờ, từng phút tước đoạt quyền sống, quyền hạnh phúc của họ. Đó là sự đáp trả thẳng thừng của Diễm trước những hà khắc của mẹ chồng trong *Đàn sẻ ri bay ngang rừng* của Võ Thị Xuân Hà; sẵn sàng quay lưng đi tìm hạnh phúc, quyết không chung sống với những lựa chọn sai lầm như Quyên trong *Rượu cúc* của Nguyễn Thị Thu Huệ; sẵn sàng vượt qua mọi rào cản để đến với người mình yêu như Trúc trong *Chị Hai ơi!* của Trần Thùy Mai; sẵn sàng dấn thân truy tìm những phút giây hoan lạc dục tính để khóa lấp nỗi cô đơn như trong *Một nửa cuộc đời* của Nguyễn Thị Thu Huệ,... Những cuộc vượt thoát đầy trắc trở và bi kịch để được giải phóng mình, để được tự do đã vút lên như bản hòa ca đầy hứng khởi sau tận cùng bi thương của thân kiếp đàn bà. Quyên trong *Cánh cửa thứ chín* của Trần Thùy Mai phải vật vã với căn bệnh thống kinh nhưng nỗi đau khắc khoải thực sự của cô lại là cuộc sống chẳng có tình yêu: “Tôi sẽ nói rằng tôi không thể tiếp tục sống trong bốn bức tường lạnh lẽo. Tôi sẽ nói muốn cùng anh đi vớt mặt trời trên biển tây. Tôi sẽ chịu bỏng, chịu cháy, để được đau đớn, được yêu thương. Tôi muốn chịu đựng mọi thứ trên đời, ngoại trừ sự tẻ lạnh” [10; 262]. Đó thực sự là một tuyên ngôn cho quyết tâm tháo dỡ những rào cản của hạnh phúc cá nhân, để được tự quyết định số phận của mình, để lại phía sau những trói buộc trong hình hài sắc phong công, dung, ngôn, hạnh. Những người đàn bà trong *Kiểm ái* của Phạm Thị Hoài, *Vu quy* của Đỗ Hoàng Diệu, *Tân cảng* của Nguyễn Thị Thu Huệ, *Giấc mơ* của Võ Thị Xuân Hà, *Hồng ngừ* của Phan Thị Vàng Anh, *Lễ cưới bạc* của Trần Thùy Mai,... đã chấp nhận đổi mặt, mặc dù biết rằng hành trình phía trước để đến với tự do và hạnh phúc thực sự chẳng hề bằng phẳng. Dẫu vậy, những suy nghĩ và hành động quyết đoán như của Dung trong *Lễ cưới bạc* của Trần Thùy Mai là những tiếng lòng đầy dũng khí của các nhà văn nữ về vấn đề bình đẳng giới: “Kiều Dung đưa bàn tay đẹp lên, nàng tháo chiếc nhẫn cưới và lạnh lùng ném xuống

biển. Rồi nàng đưa hai tay luồn vào mái tóc sau gáy tháo luôn sợi dây chuyền mang hình khóa nhạc, ném luôn; những vật bé nhỏ ấy rơi vào khoảng không như những hạt bụi bay đi, không dấu tích. Đây là những cái xiềng, một cái giam giữ thân xác nàng, một cái giam giữ linh hồn nàng. Ngày hôm nay những vật ấy đã mất hết phép thiêng; nàng trút bỏ nó, lấy lại tự do và cuộc sống” [10; 50]. Hành động dứt khoát rời bỏ hai người đàn ông và cuộc sống bế tắc để vươn mình khỏi vòng luẩn quẩn của những áp đặt quan niệm của Dung ẩn chứa cái nhìn đầy nhân văn của các cây bút truyện ngắn nữ đương đại. Ở một phương diện nào đó, có thể xem truyện ngắn *Tân cảng* của Nguyễn Thị Thu Huệ là biểu trưng cho hành trình vượt thoát thẳm sâu tâm hồn cô gái cho bình đẳng giới, cho khát vọng hạnh phúc của những người phụ nữ trong cuộc sống hiện đại. Không giống như cái Tý trong truyện ngắn *Áo hoa* của Y Ban khi những rung động đầu đời trỗi dậy ở một khoảnh khắc rồi chìm đi trong hiện tại, người đàn bà trong *Tân cảng* sẵn sàng từ bỏ mọi thứ đang có mà đáng ra nó là ước mơ của bao người, bỏ lại cả những năm tháng đã cùng nhau vượt qua gian khó để đến với bến cảng mới của cuộc đời mà chị tin nơi đó chị có hạnh phúc, chị được tự do. Có thể nói, cất tiếng nói phá giải sự áp chế nam quyền trong tình yêu, trong hôn nhân và cuộc sống gia đình trong truyện ngắn nữ đương đại thực sự đã mang đến tinh thần nữ quyền sâu sắc.

2.3. Giới nam và vấn đề bình đẳng giới trong câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại

Khảo sát truyện ngắn nữ đương đại, chúng tôi nhận thấy nhân vật chính trong câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình phần lớn là phụ nữ. Nhân vật những người đàn ông chủ yếu được xây dựng song hành trong tương quan với nhân vật nữ chính, thậm chí chỉ là nền tảng để các tác giả khắc họa hình tượng những người phụ nữ. Vấn đề bình đẳng giới trong câu chuyện tình yêu, hôn nhân, gia đình của truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại, giới nam được khắc họa chủ yếu từ cái nhìn nữ tính, là sự xét đoán mang đậm ý thức phái tính. Trong hành trình đi tìm hạnh phúc hết sức đa dạng và đầy nhọc nhằn của những người phụ nữ, những người đàn ông đã hiện diện như một đối tượng không thể thiếu, giúp họ bộc lộ những khát vọng và cả những bị kịch trong tình yêu, trong cuộc sống hôn nhân, gia đình thời đương đại. Dù ẩn hiện với vị thế khác nhau, trong diện mạo đa dạng, phong phú, song điểm chung dễ nhận thấy là nỗ lực giải đại tự sự nam quyền của các cây bút truyện ngắn nữ. Những hình tượng nam giới như là những “đáng bậc”, những đại trượng phu đã từng thịnh hành trong văn học truyền thống đã vắng bóng. Đây là hệ quả song trùng của quá trình vận động của cả nền văn học theo xu hướng thế sự, đời tư, vừa là nỗ lực của các cây bút truyện ngắn nữ trong việc thể nghiệm ý thức nữ quyền. Gương mặt những người đàn ông trong truyện ngắn nữ đương đại ở cả hai phương diện hoặc đề cao, hoặc phê phán nhằm khẳng định, chỉ khi những người đàn ông thực sự yêu thương và thấu hiểu, những người phụ nữ mới có thể tìm thấy hạnh phúc đích thực của mình.

Dù không chiếm ưu thế nhưng trong truyện ngắn nữ đương đại viết về tình yêu, hôn nhân, gia đình đã xây dựng hình tượng những người đàn ông có nhân cách, có tình yêu thương với một nửa của mình. Đó là Mãng trong *Biển đời người* của Trần Thùy Mai, người vừa là ân nhân, vừa là suối nguồn yêu thương của Bim, hết lòng bảo vệ tình yêu và nhờ tình yêu mà thêm nghị lực, trở nên mạnh mẽ. Đó là Tính trong *Bầy thú bông của Quỳnh* hay Phan trong *Không phải là tình yêu* của Trần Thùy Mai khi luôn giữ cái nhìn tôn trọng đối với phụ nữ. Đó là người đàn ông trong *Bức thư gửi mẹ Âu Cơ* của Y Ban, dù không đủ sức mạnh đương đầu sóng gió để bảo vệ tình yêu của mình nhưng rõ ràng, anh ta là người có tình yêu chân thành. Đó là Sánh trong *Bầy ngựa trong đời* rời xa Lụa vì nỗi đau thân thể do di chứng chiến tranh nhưng vẫn luôn nặng lòng với người mình yêu. Đó là Hải trong *Một nửa cuộc đời* của Nguyễn Thị Thu Huệ, dù gặp phải những cám dỗ xác thân nhưng bằng lí trí, bằng tình yêu và trách nhiệm với gia đình đã giúp anh vượt qua, để mang đến hạnh phúc thực sự cho những người thân yêu của mình. Đó là người chồng trong *Cái Tý* của Y Ban, dù chỉ là thoáng qua nhưng với nghĩa tình với người chồng tốt

đã giữ lại hạnh phúc cho cái Tý trước những xao động với người đàn ông thuở đầu đời. Viết về những người đàn ông có nhân cách, có trách nhiệm và tình yêu thương, các cây bút truyện ngắn nữ đã dành cho họ sự tôn trọng, thương cảm, mặc dù dưới cái nhìn mang tính cá nhân, những ranh giới phân xét đơn thuần vốn dĩ rất mong manh. Đó là những người đàn ông trong *Suối bạc*, *Thương nhớ hoàng lan* của Trần Thùy Mai, *Tàu ngầm xuyên đại dương*, *Tân cảng* của Nguyễn Thị Thu Huệ, *Cái rừng mình của vũ trụ* của Bích Ngân, *Người đàn bà và những giấc mơ*, *Một phần ba cuộc đời*, *Sau chớp là bão giông* của Y Ban, *Cơn mưa cuối mùa* của Lê Minh Khuê, *Dòng nhớ* của Nguyễn Ngọc Tư... Ở đây, những người đàn ông đáng trách hơn đáng giận, bởi họ đã nỗ lực vun vén cho hạnh phúc của gia đình, của người mình yêu nhưng cái họ thiếu là sự tinh tế, là những chia sẻ sâu sắc với một nửa của mình. Có thể xem lời của người chồng trong *Tân cảng* của Nguyễn Thị Thu Huệ là tiêu biểu cho kiểu mẫu đàn ông như thế trong truyện ngắn của các cây bút nữ: “Tôi mới là người có lỗi. Cái lỗi của tôi... là sống với cô mà không hiểu cô cần gì... Nên cô mới bỏ đi...” [11; 11]. Khắc họa những người đàn ông mang trong mình tình yêu thương và trách nhiệm, dù có thể còn khiếm khuyết nhưng rõ ràng, các nhà văn nữ đã xác tín thông điệp, sẽ chẳng có hạnh phúc thực sự cho những người phụ nữ nếu vắng bóng yêu thương. Đó cũng là biểu hiện sâu xa về vấn đề bình đẳng giới trong truyện ngắn nữ khi viết về vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình.

Song hành cùng sự khẳng định khát vọng giải phóng phụ nữ khỏi những chế định nam quyền, truyện ngắn nữ đã tỏ ra quyết liệt trong việc xét lại thể giới đàn ông đương đại. Đó là lí do trong thế giới nghệ thuật phong phú của các cây bút truyện ngắn nữ, rất phổ biến hình tượng những người đàn ông bất toàn, thậm chí méo mó, dị mọ. Họ là những người không tôn trọng tình yêu, sẵn sàng phản bội lại tình yêu của mình. Đó là những người đàn ông trong *Cát bụi*, *Cầu thang* của Nguyễn Thị Thu Huệ, *Thập tự hoa* của Trần Thùy Mai, *Tự*, *Hai bảy bước chân là lên thiên đường* của Y Ban,... Dưới áp lực của cuộc sống khi đồng tiền, sự thực dụng, lối sống vật chất tầm thường lên ngôi, truyện ngắn nữ đã khắc họa hàng loạt những người đàn ông tham lam, ti tiện, đón hèn. Họ sẵn sàng lợi dụng cả sự cả tin của những người đàn bà để thỏa mãn dục vọng thấp hèn. Đó là người đàn ông trong *Trăng nơi đáy giếng* của Trần Thùy Mai, *Một nửa cuộc đời*, *Hậu thiên đường*, *Tình yêu ơi, ở đâu?* của Nguyễn Thị Thu Huệ, *Làn môi đồng trinh* của Võ Thị Hào, *Cơn mưa cuối mùa*, *Đồng đôla vĩ đại* của Lê Minh Khuê, *Nhân tình*, *Tôi và anh* của Y Ban,... Chính những người đàn ông như thế đã đẩy những người phụ nữ vào bi kịch của sự cô đơn đầy bất hạnh. Truyện ngắn *Hậu thiên đường* của Nguyễn Thị Thu Huệ có thể xem là tiêu biểu có cái nhìn như thế về những người đàn ông “bất toàn” như thế. Người mẹ đã chịu những tổn thương ghê gớm khi cuộc đời chung đụng với những người đàn ông mà chị không hề tôn trọng: “Những người đàn ông đi qua cuộc đời tôi như thể bất chợt họ gặp cơn mưa rào, mà họ thì không mang vải nhựa để che. Tôi là một cái hiên rộng để họ chạy vào đó, yên tâm, tung tung chơ cho qua cơn mưa, rồi về nhà” [12; 48]. Nhưng đâu sao, người mẹ đã ý thức và chấp nhận nỗi đau ngày ngày gặm nhấm như thế. Nhưng con chị, đứa con gái mới lớn đã phải gặp người đàn ông ti tiện, đều giả đến cùng cực mà vẫn sẵn sàng cung phụng. Đây là những dòng chữ người mẹ đọc được từ cuốn nhật ký của đứa con gái đang si mê đến mù quáng của chị: “Sáng nay hai đứa ăn xôi. Bà bán xôi bảo: Hai bố con ngồi đây ăn xôi đi! Anh ấy cúi lằm lằm mà là mắt chó giấy. Mình cố gắng lằm chỉ ăn được năm trăm. Mình thích ăn bún riêu cua. Anh ấy thì dứt khoát không ăn. Anh ấy bảo cái giống ấy nó ỏng bụng và chóng đói, ăn xôi chắc dạ hơn. Mình đưa năm nghìn trả tiền xôi, hai đứa ăn hết 2.500đ. Anh ấy bảo bà bán xôi cứ giữ lấy, mai ăn tiếp. Mình thì thế nào cũng được. Miễn anh ấy vui vẻ thôi” [12; 58]. Người đàn ông ti tiện đến thế thì sẽ chẳng có thiên đường cho cô bé mười sáu tuổi, nhưng trước khi cô bé ấy nhận ra bi kịch thì nỗi đau không cùng đã hiện hữu nơi người mẹ từng trải qua bao đón đau, tủi nhục ấy. Và không chỉ méo mó về nhân cách, những người đàn ông gia trưởng trong truyện ngắn nữ đã được khắc họa thật yếu đuối, bệ rạc, bi hài, thậm chí bệnh hoạn trong tình yêu, hôn nhân, gia đình. Đó là những người đàn ông đậm chất u mua trong *Thầy AK*, *Kẻ sĩ Hà thành* của Phạm Thị

Hoài, *Đôi mắt miền Tây* của Võ Thị Hào, *Vu quy*, *Dòng sông Hủi* của Đỗ Hoàng Diệu, *Câu chuyện một gia đình*, *Chờ nhau ở cuối đường*, *Mưa đời sau* của Trần Thùy Mai,... Một ví dụ điển hình cho kiểu loại đàn ông như thế là Công trong *Dòng sông Hủi* của Đỗ Hoàng Diệu. Sự ghen tuông, nghị kị đến bệnh hoạn của Công khi không chỉ kiểm tra những vết xe máy lạ trong sân nhà, rình nấp để rình bắt vợ ngoại tình mà đỉnh điểm là kiểm tra đồ lót của vợ để truy tìm bằng chứng: “Công vừa lột quần lót của vợ tỉ mỉ, nhướn mắt soi mói những sợi chỉ may trên vải satanh hồng. Mặt Công ngó chăm chăm giữa hai đùi tôi. Từng cọng cỏ cây hoa lá óng ánh cổ xù lên chống đỡ. Nhưng cỏ cây mềm quá, mượt quá, không nhắc nổi thân mình, đành yên lặng chịu đựng người đàn ông coi nó là vật sở hữu. Khi Công tách chúng ra xem xét từng cọng tỉ mỉ, tiếng còi xe cấp cứu hụ rền những tán cây” [13; 109-110]. Phê phán, lên án những người đàn ông gia trưởng, áp đặt hà khắc lên những người phụ nữ như thế là tiếng nói nghệ thuật trực diện đòi hỏi hạnh phúc và sự bình đẳng trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại.

3. Kết luận

Mặc dù các tác giả truyện ngắn nữ đương đại ít nhiều đã có những phát ngôn khẳng định mục đích sáng tạo của họ không phải là vấn đề “nữ quyền” hay “bình đẳng giới”. Tuy nhiên, từ thực tiễn sáng tạo, có thể thấy rõ, chính những nỗ lực vẽ chân dung của giới mình, truyện ngắn nữ đương đại đã cất tiếng nói đầy thuyết phục về tinh thần bình đẳng giới. Nếu như trong văn học thời kì trung đại, tiếng nói thân phận của nữ giới bị dồn đẩy chủ yếu về khu vực văn học dân gian thì đến đầu thế kỉ XX, trong bối cảnh hiện đại hóa văn học trong thời đại “mưa Âu, gió Á”, diễn ngôn đòi bình quyền cho nữ giới mới chính thức hiện diện đồng thời với tiếng nói đòi giải phóng con người khỏi những ràng buộc khuôn khổ của Khổng giáo. Nhưng dòng mạch mới được khơi thông ấy đã phải ngưng lại trong trường văn học phục vụ kháng chiến và chỉ được tiếp tục trong văn học từ khi đất nước hòa bình và thống nhất trở lại. Trong bối cảnh ấy, các cây bút truyện ngắn nữ đã mạnh bạo thể nghiệm tiếng nói đòi bình quyền cho nữ giới ở hàng loạt vấn đề như vai trò của họ trong câu chuyện tình yêu, trong hôn nhân và hạnh phúc gia đình, về những thiệt thòi thân phận mà họ phải gánh chịu,... Cái nhìn của người trong cuộc đầy sẻ chia, truyện ngắn nữ đương đại thực sự là sự nâng đỡ những khát khao hạnh phúc chính đáng của người phụ nữ hiện đại. Đồng thời, với tư tưởng giải tự sự nam quyền, truyện ngắn nữ đã khắc họa chân dung bất toàn về thế giới đàn ông. Đây là vấn đề có ý nghĩa xã hội, thâm mĩ quan trọng trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Huyền Sâm, 2016. *Nữ quyền luận ở Pháp và tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tấn Hùng, 2016. *Tư tưởng của Simone de Beauvoir về vấn đề nữ quyền trong Giới tính thứ hai*, in trong “Văn học và giới nữ (Một số vấn đề lí luận và lịch sử)”. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Năm Hoàng, 2019. “Thiên tính nữ và góc nhìn giới tính trong văn chương Việt Nam đương đại”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 61(4).
- [4] Thái Phan Vàng Anh, 2016. “Văn xuôi các nhà văn nữ thế hệ sau 1975 nhìn từ diễn ngôn giới”, Tham luận Hội thảo khoa học quốc gia *Thế hệ nhà văn sau 1975* do Trường Đại học Văn hóa Hà Nội tổ chức.
- [5] Lê Thị Thanh Xuân, 2018. “Tinh thần nữ quyền trong truyện ngắn của Trần Thùy Mai”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
- [6] Y Ban, 2020. *Truyện ngắn Y Ban*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

- [7] Võ Thị Xuân Hà, 2002. *Truyện ngắn Võ Thị Xuân Hà*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [8] Lí Lan, 2009. *Người đàn bà kể chuyện*. Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [9] Simone de Beauvoir, 1996. *Giới nữ* (tập 2), Nguyễn Trọng Định, Đoàn Ngọc Thanh dịch. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [10] Trần Thùy Mai, 2004. *Đêm tái sinh*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [11] Nguyễn Thị Thu Huệ, 2006. *37 truyện ngắn*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Thị Thu Huệ, 2018. *Cửa để dành*. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [13] Đỗ Hoàng Diệu, 2005. *Bóng đèn*. Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

ABSTRACT

The issue of gender equality in Vietnam short stories with female authors in nowadays that writes about love, marriage, family

Tran Thi Hong Nhung

Faculty of Primary Education, Sai Gon University

With the initiative in creative sense and concept of art consistently that writes about love, marriage, family, Vietnamese short stories for female in nowadays, they forcefully confirmed the point of view is equal between men and women. Through the world of art to be created, the powerful aspects of this have been opened up. The article focuses on clarifying the manifestations of gender equality issues in vietnam short stories with authors are female in nowadays that is one of the social problems - unique aesthetics.

Keywords: female, gender equality, contemporary Vietnamese literature, female short stories, love, marriage, family.